



Bản tin

Thương mại gỗ Việt Nam – Trung Quốc 2018 – 9 tháng 2021

Tô Xuân Phúc (Forest Trends), Cao Thị Cẩm (VIFOREST), Trần Lê Huy (FPA Bình Định)



NICFI

Norway's International Climate and Forest Initiative



UKaid
from the British people

Tháng 11 năm 2021

Giới thiệu

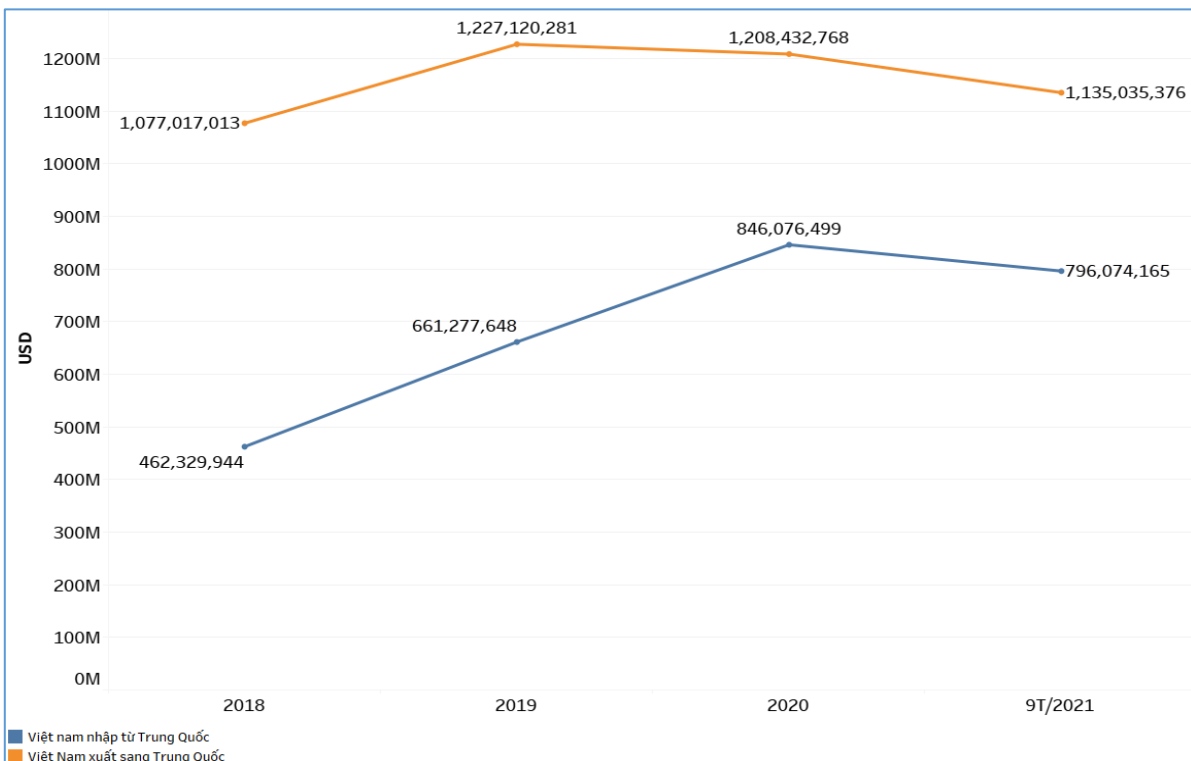
Bản tin này cập nhật tình hình thương mại gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc từ 2018 đến hết 9 tháng 2021. Cụ thể, Bản tin cung cấp thông tin xuất nhập khẩu của các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ và biến động trong xuất – nhập khẩu trong các mặt hàng này giữa hai quốc gia. Thông tin về thực trạng bao gồm các biến động trong xuất, nhập khẩu chỉ ra một số yếu tố quan trọng hình thành động lực thương mại song phương. Các thông tin này cũng cung cấp một số tín hiệu về rủi ro về thương mại liên quan tới một số nhóm mặt hàng cụ thể. Bản tin thảo luận về một số khía cạnh chính sách nhằm thúc đẩy thương mại gỗ và sản phẩm bền vững giữa hai quốc gia. Nguồn số liệu trong Bản tin được tập hợp từ dữ liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan (TCHQ).

1. Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc

Thương mại về các mặt hàng gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc liên tục được mở rộng trong những năm gần đây. Hình 1 chỉ ra xu hướng mở rộng này. Ở chiều Việt Nam xuất khẩu, Trung Quốc là một trong ba thị trường quan trọng nhất của Việt Nam (sau thị trường Mỹ và Nhật Bản). Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng mạnh từ khoảng 1 tỷ USD năm 2018 lên trên 1,2 tỷ USD năm 2019, sau đó giảm nhẹ vào năm 2020.

Ở chiều Việt Nam nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng gỗ từ Trung Quốc luôn nhỏ hơn kim ngạch xuất khẩu. Cụ thể, năm 2018 kim ngạch nhập khẩu G & SPG từ Trung Quốc vào Việt Nam năm 2018 tương đương 43% kim ngạch xuất khẩu G & SPG từ Việt Nam vào Trung Quốc trong cùng năm. Tuy nhiên, tỷ trọng này tăng rất nhanh kể từ 2019 đến nay: 54% năm 2019, 70% năm 2020 và tiếp tục ở mức 70% trong 9 tháng đầu 2021. Nếu đà tăng trưởng trong nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam này được duy trì, kim ngạch nhập khẩu vào Việt Nam từ Trung Quốc sẽ đuổi kịp với kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc trong tương lai không xa.

Hình 1. Kim ngạch xuất nhập khẩu gỗ - sản phẩm gỗ Việt Nam - Trung Quốc, 2018 – 9 tháng 2021



Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

2. Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc

Dăm gỗ, sản phẩm gỗ và ván bóc là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu quan trọng của Việt Nam (Bảng 1). Trong số các mặt hàng xuất khẩu, dăm gỗ quan trọng nhất: Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này chiếm 70-80% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Tiếp đến là ván bóc và các mặt hàng thuộc nhóm sản phẩm gỗ.

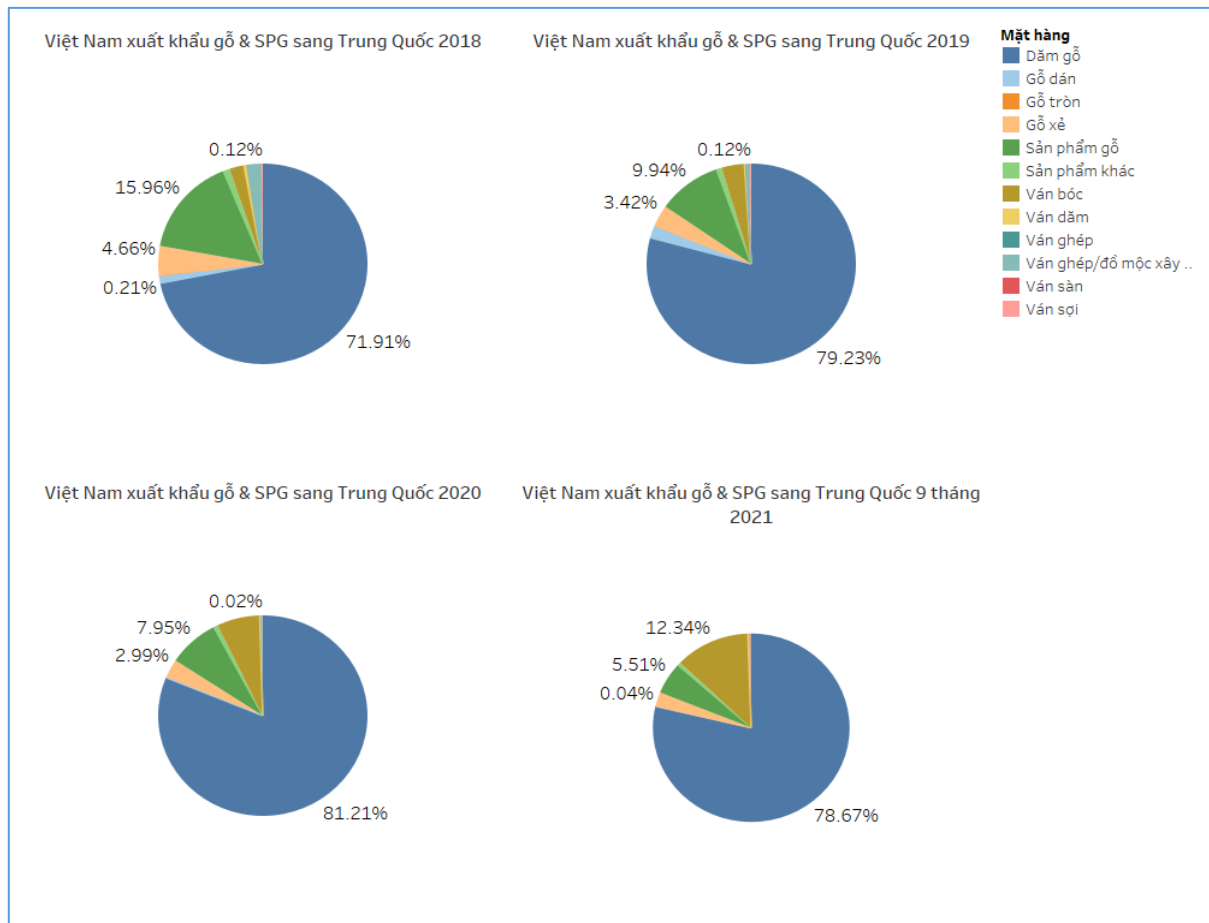
Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chính của Việt Nam sang Trung Quốc, 2018 – 9 tháng 2021 (Triệu USD)

Mặt hàng	2018	2019	2020	9 tháng 2021
Dăm gỗ	774,5	972,2	981,4	892,9
Gỗ xẻ	50,2	42,0	36,2	27,1
Ván bóc	24,4	43,2	80,3	140
Ván ghép, đồ mộc xây dựng	23,0	7,1	4,1	2,5
Sản phẩm gỗ	171,9	122,0	96,1	62,5

Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

Giai đoạn 2018 – 9 tháng 2021 chứng kiến một số biến động trong khâu xuất khẩu của một số nhóm mặt hàng gỗ Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (Hình 2).

Hình 2. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng gỗ Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc, 2018 – 9 tháng 2021

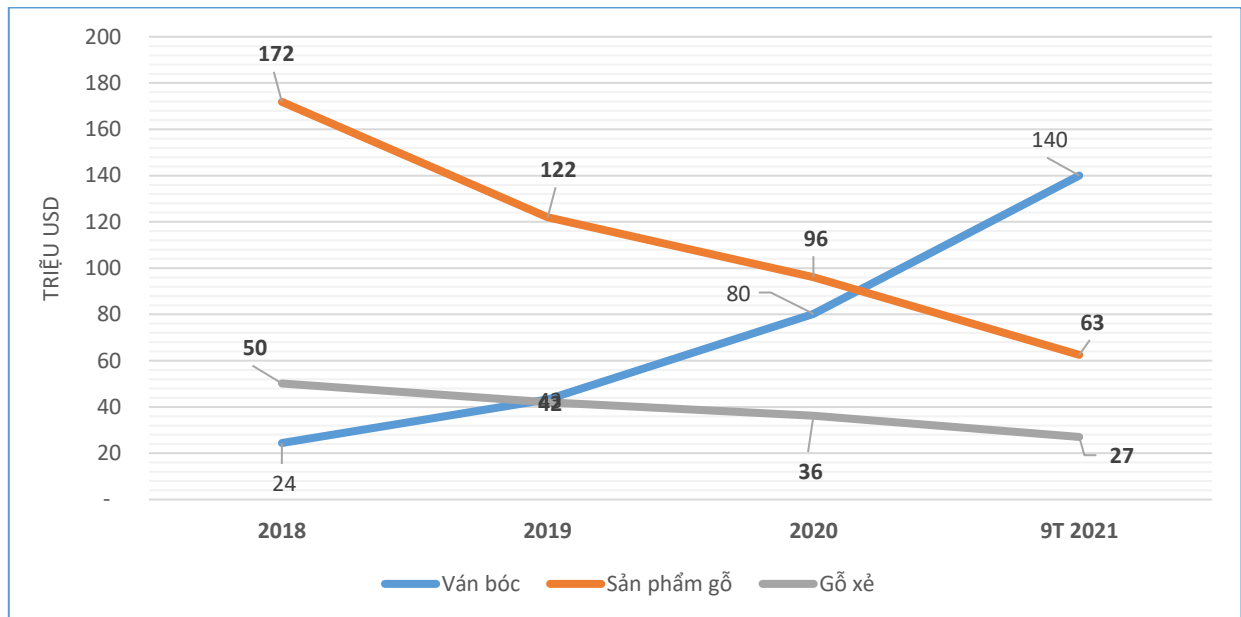


Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

Thay đổi về tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu trong Hình 2 cho thấy một số thông tin quan trọng sau:

- Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc có nhiều thay đổi trong thời gian gần đây. Các mặt hàng như sản phẩm gỗ, gỗ tròn, gỗ xẻ giảm mạnh trong khi dăm gỗ và ván bóc tăng mạnh (Hình 3).
- Tỷ trọng xuất khẩu dăm gỗ tăng đặc biệt kể từ 2019. Năm 2020 tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng này chiếm trên 81% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tất cả các mặt hàng, tăng gần 10% so với tỷ trọng của năm 2018. Trong 9 tháng 2021 tỷ trọng xuất khẩu dăm gỗ giảm so với mức của năm 2020, tuy nhiên lượng giảm không đáng kể.
- Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của sản phẩm gỗ giảm mạnh, từ gần 16% trong tổng kim ngạch xuất khẩu xuống còn một nửa con số này trong năm 2020 và còn dưới 6% trong 9 tháng 2021.
- Tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng ván bóc rất mạnh, từ 2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2018 lên 7% năm 2020 và đạt 12% trong 9 tháng đầu 2021.

Hình 3. Biến động về kim ngạch trong một số mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc, 2018 – 9 tháng 2021 (triệu USD)



Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

Bảng 3 cho thấy biến động về lượng xuất khẩu của dăm gỗ, gỗ xẻ và ván bóc, là các mặt hàng có độ biến động lớn trong những năm gần đây. Thay đổi về lượng xuất khẩu của tương ứng với thay đổi về giá trị.

Bảng 3. Lượng xuất khẩu của một số mặt hàng từ Việt Nam sang Trung Quốc, 2018 – 9 tháng 2021

Mặt hàng	2018	2019	2020	9 tháng 2021
Dăm gỗ (tấn)	5,966,984	6,838,299	7,554,042	6,875,903
Gỗ xẻ (m ³)	117,004	106,400	88,293	46,016
Ván bóc, ván lạng (m ³)	273,954	316,603	715,327	1,542,684

Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

Đối với mặt hàng gỗ xẻ xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc, lượng xuất khẩu hiện nay còn lại tương đối nhỏ. Trong năm 2020, các loài gỗ xẻ có lượng xuất sang Trung Quốc nhiều nhất bao gồm gỗ Cao su

(1.400 m3), Keo trầm (2.800 m3) và Hương (5.900 m3). Hai loài đầu có nguồn là gỗ rừng trồng từ Việt Nam. Loài Hương còn lại gỗ nhập khẩu từ Campuchia và/hoặc Lào.

Mặt hàng ván bóc có lượng xuất khẩu tăng đột biến. Lượng xuất năm 2020 tăng 126% so với lượng xuất của năm 2019. Lượng xuất trong 9 tháng đầu 2021 cao hơn 116% so với tổng lượng xuất của cả năm 2020.

3. Việt Nam nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Trung Quốc

Các mặt hàng gỗ Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc đa dạng hơn các mặt hàng mà Việt Nam xuất khẩu sang quốc gia này. Bảng 4 chỉ ra giá trị kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chính từ Trung Quốc vào Việt Nam trong những năm gần đây.

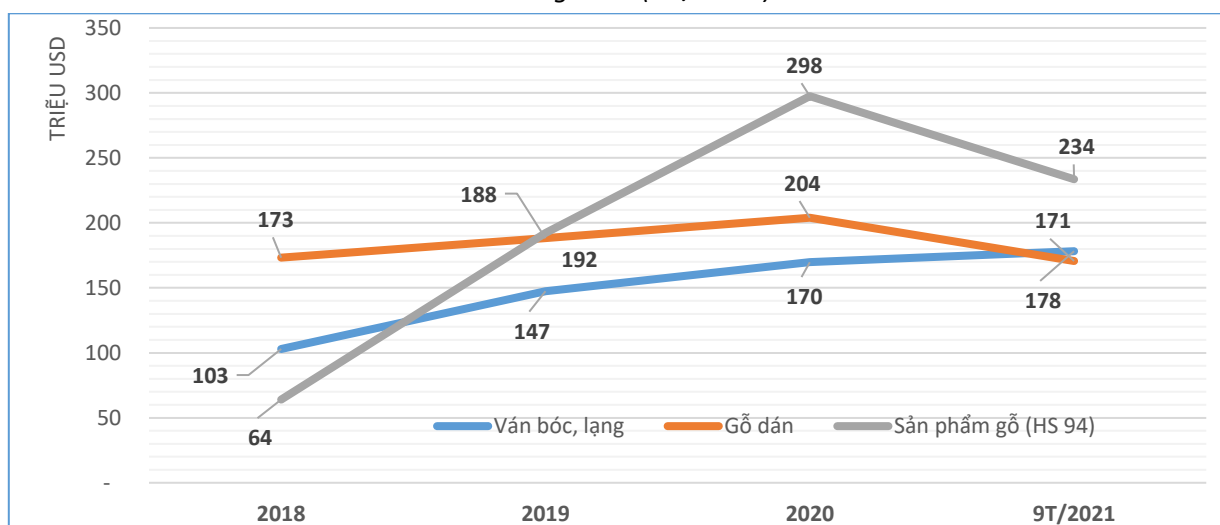
Bảng 4. Giá trị kim ngạch một số mặt hàng gỗ Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc, 2018 – 9 tháng 2021 (triệu USD)

Mặt hàng	2018	2019	2020	9 tháng 2021
Gỗ tròn	24,5	15,8	9,3	3,7
Gỗ xẻ	30,2	26,4	32,0	44,1
Ván bóc, lạng	102,9	147,4	169,7	178,2
Gỗ dán	173,2	188,2	204,0	170,7
Ván ghép/ đồ mộc xây dựng	7,1	10,5	12,3	29,2
Sản phẩm gỗ	64,0	192,2	297,5	233,6
Các sản phẩm gỗ khác	17,7	31,3	47,3	42,2

Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

Trừ mặt hàng gỗ tròn, các mặt hàng nhập khẩu còn lại có sự tăng trưởng rất nhanh trong thời gian vừa qua. Tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thể hiện ở nhóm mặt hàng sản phẩm gỗ, ván bóc, ván lạng (Hình 4). Cụ thể, đối với mặt hàng ván bóc, kim ngạch nhập khẩu năm 2019 tăng 43% so với kim ngạch năm 2018. Kim ngạch của 9 tháng đầu 2021 cao hơn 5% so với tổng kim ngạch trong cả năm 2020. Tương tự, kim ngạch mặt hàng sản phẩm gỗ năm 2019 tương đương 300% kim ngạch năm 2018. Kim ngạch năm 2020 tương đương 155% kim ngạch của năm 2019.

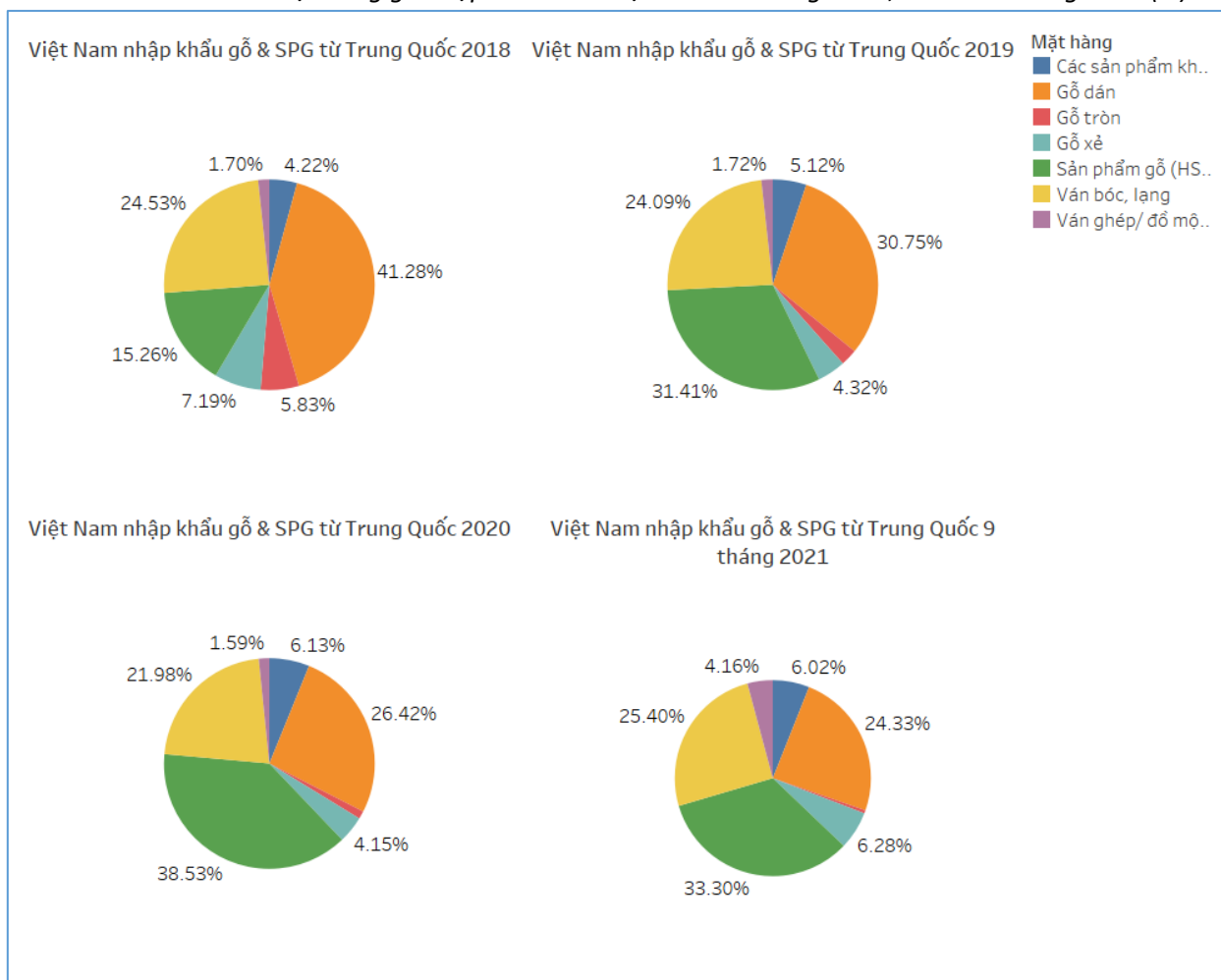
Hình 4. Tăng trưởng kim ngạch trong một số mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam, 2018 – 9 tháng 2021 (triệu USD)



Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

Hình 5 chỉ ra sự thay đổi về cơ cấu các mặt hàng gỗ nhập khẩu vào Việt Nam từ Trung Quốc kể từ năm 2018.

Hình 5. Cơ cấu các mặt hàng gỗ nhập khẩu vào Việt Nam từ Trung Quốc, 2018 – 9 tháng 2021 (%)



Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

Thay đổi tỷ trọng các mặt hàng nhập khẩu vào Việt Nam thể hiện qua Hình 5 cho thấy một số thông tin quan trọng sau:

- Ba nhóm mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng lượng kim ngạch xuất khẩu và cũng là mặt hàng có độ biến động mạnh nhất là gỗ dán, sản phẩm gỗ và ván bóc/ván lạng.
- Mặt hàng gỗ dán có mức biến động lớn nhất, với kim ngạch nhập khẩu giảm từ 41,28% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của tất cả các mặt hàng năm 2018 xuống còn dưới 31% năm 2019. Trong 9 tháng đầu 2021 tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này chỉ còn 24,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu.
- Mặt hàng sản phẩm gỗ có mức tăng trưởng nhanh nhất, từ gần 15,3% về kim ngạch năm 2018 lên gần gấp đôi (31,4%) năm 2019 và đạt gần 39% trong tổng kim ngạch năm 2020.

Hình 6 thể hiện lượng và thay đổi về lượng nhập khẩu của một số mặt hàng gỗ từ Trung Quốc vào Việt Nam trong thời gian vừa qua. Các thay đổi về lượng tương ứng với thay đổi về giá trị kim ngạch nhập khẩu.

Hình 6. Lượng một số mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam, 2018 – 9 tháng 2021 (m3)



Nguồn: Nhóm Nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends dựa trên số liệu của TCHQ

Ba mặt hàng có lượng nhập tăng nhanh nhất là gỗ dán, ván bóc/lạng và ván sợi. Cụ thể, lượng gỗ dán nhập khẩu tăng từ gần 409.000 m3 năm 2018 lên tới gần 558.000 m3 năm 2020. Lượng nhập 9 tháng năm 2021 cao hơn cả lượng nhập năm 2018. Đối với mặt hàng ván sợi, lượng năm 9 tháng đầu 2021 đạt gần 344.000 m3, tăng 4,2 lần so với lượng nhập năm 2018. Lượng ván bóc nhập khẩu năm 2020 đạt gần 220.000 m3, tăng 1,6 lần so với lượng nhập năm 2018. Dựa trên thông tin về Phần 4 dưới đây thảo luận một số khía cạnh về ý nghĩa về mặt thực tiễn và chính sách trong thương mại gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

4. Ý nghĩa thực tiễn và chính sách trong thương mại gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam – Trung Quốc

Thông tin trong các phần nêu trên cho thấy một số khía cạnh cần quan tâm như sau:

Cán cân thương mại song phương hiện đang nghiêng về phía Việt Nam tuy nhiên có thể đạt cân bằng trong tương lai gần.

Kim ngạch thương mại 2 chiều về các mặt hàng gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc rất lớn, với thặng dư hiện tại đang nghiêng về phía Việt Nam. Tuy nhiên, quy mô của thặng dư đang dần bị thu hẹp. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc có dấu hiệu giảm tốc thậm chí sụt giảm nhẹ từ 2020 đến nay trong khi kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng gỗ vào Việt Nam từ thị trường này đang

tăng rất mạnh. Nếu động lực xuất-nhập khẩu giữa 2 quốc gia duy trì như hiện nay, cán cân thương mại sẽ đạt tới vị trí cân bằng trong tương lai không xa.

Ở chiều Việt nam xuất khẩu, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là nhóm gỗ nguyên liệu. Doanh nghiệp Việt Nam đang bị cạnh tranh với doanh nghiệp Trung Quốc tại ngay sân nhà. Cần có các cơ chế, chính sách mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt.

Ở chiều Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc, các mặt gỗ thuộc nhóm gỗ nguyên liệu (HS 44) đóng vai trò chủ đạo. Động lực này sẽ tiếp tục được duy trì trong tương lai. Điều này cho thấy nhu cầu lớn về gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc -- một thị trường khổng lồ về các mặt hàng gỗ -- đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ Trung Quốc đang thực hiện lệnh cấm khai thác gỗ từ rừng tự nhiên của quốc gia này kể từ năm 2017 (Global Times, 2017). Các mặt hàng gỗ nguyên liệu này, bao gồm dăm gỗ và ván bóc có nguồn gốc từ rừng trồng của Việt Nam. Các diện tích rừng tập trung của Việt Nam thường nằm ở khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Đây là vùng cung các mặt hàng gỗ cho Trung Quốc.

Xuất khẩu mặt hàng ván bóc sang Trung Quốc tăng trưởng mạnh trong thời gian gần đây. Ván bóc được làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các loại ván. Hiện đang có sự cạnh tranh trực tiếp giữa các doanh nhân Trung Quốc và các đơn vị thu mua ván bóc của Việt Nam tại chính thị trường Việt Nam. Mạng lưới thương nhân Trung Quốc hiện đã phủ tới các xưởng ván bóc ở các tỉnh phía Bắc như Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ để thu mua nguyên liệu. Điều này gây ra một số khó khăn về nguyên liệu cho các đơn vị thu mua của Việt Nam. Một doanh nghiệp Việt Nam cho biết: *“Cứ khi nào thương lái Trung Quốc hút hàng [mua hàng] là các doanh nghiệp Việt Nam lại bị căng thẳng vì giá sản phẩm tăng cao và các doanh nghiệp Việt khó cạnh tranh.”* Hình thức cạnh tranh giúp đẩy giá gỗ nguyên liệu đầu vào và ván bóc lên cao, đem lại lợi ích cho người trồng rừng. Tuy nhiên, cạnh tranh này cũng đặt ra bài toán đối với các đơn vị sản xuất các loại ván của Việt Nam là làm thế nào để có thể cạnh tranh về nguyên liệu đầu vào với các doanh nghiệp của Trung Quốc tại chính sân nhà của mình trong tương lai.

Việt Nam đang nỗ lực tạo nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn. Tuy nhiên điều này không đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp chế biến sâu của Việt Nam có thể tiếp cận với nguồn nguyên liệu này trong tương lai.

Doanh nghiệp Trung Quốc “hút hàng” gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt trong khâu thu mua nguyên liệu cho thấy một số khía cạnh quan trọng trong việc xây dựng chiến lược nguyên liệu gỗ đầu vào bền vững cho ngành chế biến sâu của Việt Nam. Các cơ chế chính sách của Chính phủ hiện nay bao gồm cả Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp tới 2030 và Tầm nhìn tới 2050 đang đi theo hướng thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn, giảm tỷ trọng gỗ nguyên liệu nhập khẩu, thay thế bằng gỗ rừng trồng trong nước.¹ Để thực hiện mục tiêu này, Chính phủ áp dụng cả công cụ “củ cà rốt” -- với việc đầu tư kinh phí hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn và “cây gậy” là thuế áp dụng đối với mặt hàng dăm và ván bóc xuất khẩu (ở các mức thuế tương ứng là 2% và 10%) nhằm giữ lại gỗ rừng trồng trong nước. Các công cụ thuế này cũng kỳ vọng làm cho các ngành sản xuất và xuất khẩu gỗ nguyên liệu như dăm và ván bóc giảm lợi thế cạnh tranh, từ đó tạo được sự chuyển dịch chuyển trong khâu sản xuất nguyên liệu từ dăm và ván bóc sang khâu sản xuất nguyên liệu cho chế biến sâu. Xuất khẩu ván bóc có nguồn gốc từ gỗ rừng trồng của Việt Nam sang Trung Quốc tăng mạnh trong những năm gần đây, bấp chập mức thuế xuất khẩu 10%, cho thấy các công cụ “cây gậy” và “củ cà rốt” của Chính phủ là chưa đủ để có thể đảm bảo nguồn nguyên liệu rừng gỗ lớn được tạo ra trong tương lai sẽ được giữ lại cho chế biến sâu tại Việt Nam. Hạn chế về năng lực chế biến sâu tại vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng hiện nay là một trong rào cản đối với mục tiêu này (Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2020). Để tạo được

¹ Thông tin chi tiết về Chiến lược tham khảo tại: <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/quyet-dinh-523-qd-ttg-chien-luoc-phat-trien-lam-nghiep-viet-nam-2021-2030-200559-d1.html>.

nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng là gỗ lớn và để doanh nghiệp Việt có thể tiếp cận được với nguồn gỗ nguyên liệu này, các cơ chế chính sách vĩ mô của ngành cần có những thay đổi vĩ mô. Các thay đổi này nên đi theo tạo môi trường đầu tư thuận lợi để khuyến khích phát triển năng lực chế biến sâu tại các vùng nguyên liệu, hoặc /và phát triển năng lực chế biến sản phẩm bán hoàn thiện tại các vùng này, làm nguồn cung đầu cho các doanh nghiệp chế biến sâu tại vùng Đông Nam Bộ. Các thay đổi vĩ mô này có vai trò nền tảng nhằm thúc đẩy sản xuất rừng trồng gỗ lớn, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt và hình thành cơ hội cho việc giữ lại nguồn gỗ nguyên liệu cho chế biến sâu ở trong nước.

Ở chiều Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc, các mặt hàng chủ lực bao gồm ván bóc/ván lạng, sản phẩm gỗ và gỗ dán. Đây cũng là nhóm mặt hàng tiềm ẩn rủi ro về tính pháp lý và nguồn gốc xuất xứ.

Ván bóc/ván lạng, gỗ dán và sản phẩm gỗ là các nhóm mặt hàng chủ đạo Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc trong thời gian gần đây. Các loại ván bóc/ván lạng nhập khẩu này chủ yếu được làm từ các loài gỗ như Bạch dương (tên khoa học: Betula sp., Populus sp. có nguồn gốc từ Nga, 1 số nước Châu Âu, Mỹ), gỗ Okoume (Dái ngựa, tên khoa học: Aucoumea klaineana có nguồn gốc từ Châu Phi) và Bintangor (Cồng tía, tên khoa học: Calophyllum saigonense, Calophyllum sp. hoặc Trám hồng, tên khoa học: Canarium Bengalensis Guill nguồn gốc từ Malaysia). Các loại mặt hàng này nhập khẩu vào Việt Nam được sử dụng làm lớp mặt cho các loại ván, sau đó được đưa vào sản xuất gỗ dán để xuất khẩu sang các thị trường như Hàn Quốc, Ấn Độ,... hoặc chế biến tạo sản phẩm như tủ, bàn ghế xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, EU và để sản xuất sản phẩm phục vụ thị trường trong nước.

Các mặt hàng ván bóc/ván lạng này ẩn chứa các rủi ro về mặt pháp lý về nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào. Cụ thể, nguồn gỗ Bạch dương của Nga tiềm ẩn rủi ro về gỗ lậu và điều này cũng đã được cảnh báo (Tô Xuân Phúc, 2020). Gỗ có nguồn gốc từ Châu Phi (trừ Nam Phi) được xác định là gỗ rủi ro về pháp lý theo tiêu chí đánh giá hiện tại của Chính phủ Việt Nam quy định trong Nghị định 102/NĐ-CP/2020 của Chính phủ.² Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực loại bỏ gỗ bất hợp pháp và giảm thiểu gỗ rủi ro trong chuỗi cung cả trong xuất và nhập khẩu. Luồng cung các mặt hàng ván bóc/ván lạng có nguồn gốc rủi ro này cản trở nỗ lực của Chính phủ, trực tiếp ảnh hưởng tới hình ảnh của ngành gỗ Việt.

Sản phẩm gỗ là nhóm mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng lớn nhất trong thời gian vừa qua. Tăng trưởng nhanh trong nhập khẩu mặt hàng này, đặc biệt trong bối cảnh từ lúc căng thẳng thương mại Mỹ - Trung bắt đầu hình thành làm dấy lên các lo ngại về việc các doanh nghiệp Trung Quốc sử dụng Việt Nam làm quốc gia trung chuyển cho các mặt hàng của mình để xuất khẩu sang Mỹ nhằm tránh các thuế từ Mỹ đối với các mặt hàng từ Trung Quốc. Nhóm Nghiên cứu của các Hiệp hội gỗ và Tổ chức Forest Trends cũng đã đưa ra cảnh báo về loại hình rủi ro trong gian lận thương mại đối với nhóm mặt hàng này, đặc biệt đối với mặt hàng tủ bếp được làm từ gỗ dán và bộ phận của ghế sofa nhập khẩu từ Trung Quốc (Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2020).

Nhập khẩu gỗ dán từ Trung Quốc cũng tăng mạnh trong thời gian gần đây. Lý do Việt Nam tiếp tục nhập khẩu gỗ dán từ Trung Quốc là do năng lực sản xuất mặt hàng này tại Việt Nam còn hạn chế, cả về khối lượng và chất lượng sản phẩm đầu ra. Tương tự như nhóm mặt hàng sản phẩm gỗ, gỗ dán nhập khẩu từ Trung Quốc ẩn chứa rủi ro về gian lận thương mại. Chính phủ Mỹ hiện tại đang điều tra mặt hàng gỗ dán và tủ bếp của một số doanh nghiệp Trung Quốc hiện đang hoạt động tại Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này (Nguyễn Vinh Quang và cộng sự, 2021; Báo Công thương, 2021).

Giảm rủi ro về gian lận thương mại trong các mặt hàng gỗ nhập khẩu từ Trung Quốc có vai trò quan trọng nhằm duy trì và phát triển ngành gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Thời gian qua, các cơ quan chức năng của

² Thông tin chi tiết về Nghị định tham khảo tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=143869>

Việt Nam đang tích cực phối hợp với các hiệp hội gỗ và các bên liên quan trong việc xác định rủi ro và đưa ra các chế tài xử phạt đối với các công ty vi phạm. Các biện pháp và chế tài này cần được ưu tiên và tăng cường nhằm hạn chế các rủi ro trong luồng gỗ nhập khẩu. Điều này đòi hỏi sự quan tâm sát sao từ các cơ quan quản lý và thực thi pháp luật, đặc biệt là các cơ quan kiểm soát cửa khẩu. Liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan này với các hiệp hội gỗ và các bên liên quan khác cho phép định vị được các rủi ro trong các mặt hàng nhập khẩu một cách kịp thời, từ đó đưa ra các các biện pháp chế tài xử lý phù hợp.

Tài liệu tham khảo

Báo Công thương, 24 tháng 11 năm 2021. Ngành gỗ lại đối diện với vụ kiện phòng về thương mại từ Hoa Kỳ. (<https://congthuong.vn/nganh-go-la-i-doi-dien-voi-vu-kien-phong-ve-thuong-mai-tu-hoa-ky-167893.html>).

Global Times, 2017. China imposes total ban on commercial logging, eyes forest reserves (<https://www.globaltimes.cn/content/1038170.shtml>).

Nguyễn Vinh Quang, Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm, Trần Lê Huy, 2021. Thương mại gỗ Việt Nam – Trung Quốc 2015 – 2020: Thực trạng và xu hướng. VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends. (https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Thuong%20mai%20go%20VN-TQ%202015-2020_FN.pdf).

Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm, Trần Lê Huy, 2020. Tại sao ngành dăm gỗ của Việt Nam phát triển? Mất cân đối vĩ mô giữa vùng nguyên liệu rừng trồng và năng lực chế biến sâu. VIFOREST, FPA Bình Định, BIFA, HAWA và Forest Trends. (https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/RuNG%20TRoNG_CBG_DaM%20Go.pdf).

Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm, Trần Lê Huy, 2020. Rủi ro trong gian lận thương mại các mặt hàng đồ gỗ. VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends. (https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Bao%20cao_Rui%20ro%20mat%20hang%20sofa%20tu%20bep.pdf).

Tô Xuân Phúc, 2020. Cảnh báo rủi ro trong luồng cung gỗ nguyên liệu từ Nga và Ukraine. Forest Trends (<https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Ban%20tin%20go%20Nga%20va%20Ukraina.Final.pdf>).